

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

Năm 2019, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2015-2020 và triển khai thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy như: Nghị quyết số 10-NQ/TU Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020...

Dự báo năm 2019, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh sẽ gặp không ít những khó khăn, thách thức. Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại; trong đó năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp. Khoa học phát triển nhanh và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động, ảnh hưởng lớn trên nhiều phương diện. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi các cấp, các ngành trong tỉnh cần phải nâng cao trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của tỉnh Tiền Giang, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã tập trung xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 với các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Đánh giá đúng thực chất tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ và tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế

- xã hội; dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018; phân tích, đánh giá rõ những kết quả đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp; các lĩnh vực khoa học, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,... Đồng thời, đánh giá cho được những tồn tại, hạn chế, yếu kém, phân tích kỹ nguyên nhân khách quan, chủ quan, các biện pháp khắc phục nhằm thúc đẩy sản xuất, tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân.

2. Theo dõi, cập nhật kịp thời dự báo tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực và các địa phương để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

3. Trên cơ sở kết quả đã đạt được, dự báo tình hình trong, ngoài nước, căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 -2020, các điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, các sở, ban, ngành tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải xuất phát từ việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; Chương trình hành động, Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII¹.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải được triển khai đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

¹ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Cùng cả nước thực hiện các giải pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát nhằm thúc đẩy kinh tế tiếp tục tăng trưởng, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt khoảng 7,5 - 8,0%. Chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và các ngành kinh tế; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường thu hút đầu tư. Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Tái cấu trúc ngành công nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học và công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp nhằm tận dụng các cơ hội phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng... Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, góp phần huy động nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế

a) Góp phần thực hiện các biện pháp bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát, kết hợp với triển khai thực hiện tốt chủ trương, chính sách tiền tệ; chính sách điều chỉnh lãi suất theo quy định nhằm giảm chi phí đầu vào, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm, tăng khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển, tăng dư nợ tín dụng phù hợp với việc nâng cao chất lượng tín dụng. Điều hành tín dụng phù hợp, chú trọng các lĩnh vực ưu tiên gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thu, chi ngân sách và đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển các ngành kinh tế. Thực hiện tốt công tác quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng, hạn chế những biến động bất lợi.

b) Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2019 đạt khoảng 7,5-8,0%. Đối với cấp huyện, căn cứ giá trị sản xuất do Cục Thống kê công bố và căn cứ thực tế địa phương ước thực hiện cả năm và dự báo triển vọng phát triển để xác định chỉ tiêu giá trị sản xuất năm 2019 cho phù hợp.

c) Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án đã được phê duyệt như: đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đề án Cắt vụ, chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng các huyện phía Đông của tỉnh; đề án Tái cấu trúc ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;... tăng cường đổi mới, sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của các ngành kinh tế. Cơ cấu lại đầu tư công và hình thành cơ cấu đầu tư hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm theo lợi thế và nhu cầu thị trường; phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến, vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng; khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh và ứng dụng công nghệ cao; giảm xuất khẩu sản phẩm thô; phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn², chính sách bảo hiểm nông nghiệp³. Tiếp tục cải cách, cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thủ tục kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu và có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; nâng cao sự đóng góp của khoa học và công nghệ vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh để tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở trong nước.

² Theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

³ Theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 về bảo hiểm nông nghiệp.

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao như: thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng,... Đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển bền vững nguồn hàng xuất khẩu tập trung phát triển, khai thác cả thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có lợi thế, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - đô thị 03 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 05/4/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, tập trung nguồn lực đầu tư nhằm khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế tạo ra sự liên kết, thể và lực cho sự phát triển của mỗi vùng, mỗi địa phương theo mục tiêu phát triển chung của tỉnh.

- Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; các cấp, các ngành có chương trình, kế hoạch hành động, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

- Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ với một số công trình quan trọng, trọng điểm của tỉnh, thân thiện với môi trường. Huy động nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; tập trung đầu tư các công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, lan tỏa phát triển giữa các ngành, lĩnh vực, phát triển 03 vùng trong tỉnh, nhất là tại các địa bàn, khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Phát triển mạnh mẽ về phát triển hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, thúc đẩy việc nghiên cứu và triển khai thực hiện mạng di động băng rộng thế hệ thứ 5 (5G) tạo tiền đề cho thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, sớm hoàn thành các công trình quan trọng, trọng điểm đang triển khai thực hiện để sớm đưa vào khai thác, sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả

đầu tư và tránh lãng phí vốn.... Rà soát, triển khai đầu tư theo các quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh,... Triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

đ) Triển khai thực hiện giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ với mục tiêu cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo chuyển biến rõ nét, nhất là các nhóm chỉ tiêu xếp hạng thấp. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Tập trung thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, phát triển mạnh doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo⁴. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhanh chóng hấp thụ và phát triển được các công nghệ sản xuất mới.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Chuyển giao công nghệ (sửa đổi năm 2017) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Tiếp tục chủ động rà soát, bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không còn phù hợp theo quy định của pháp luật. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực thuế, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội..., giảm tối đa các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán gây chồng chéo, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

e) Triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, trong đó: (i) lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021- 2030; (ii) khẩn trương hoàn chỉnh việc rà soát tổng hợp các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch tỉnh; (iii) rà soát các quy hoạch về đầu tư

⁴ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ đang gây khó khăn, cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân để bãi bỏ theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Về phát triển xã hội

a) Về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Phát triển hệ thống an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Quản lý hiệu quả, chặt chẽ công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện hiệu quả, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

b) Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển y tế chuyên sâu và y tế dự phòng. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tập trung giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, phát triển y học cổ truyền, y tế ngoài công lập, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước thực hiện quản lý sức khỏe đến từng người dân và quản lý các bệnh mãn tính, bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp duy trì mức sinh thấp hợp lý, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh. Bảo đảm cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị y tế với giá cả hợp lý phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

c) Về phát triển giáo dục đào tạo: Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nâng cao năng lực nghiên cứu, giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường giáo dục kỹ năng, kiến thức cơ bản, tư duy sáng tạo, khả năng thích nghi với

yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo nghề đáp ứng các xu thế công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. rà soát và điều chỉnh quy hoạch lại mạng lưới các trường đại học, trường sư phạm và mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo.

d) Về phát triển khoa học công nghệ: Tập trung thực hiện có hiệu quả các đề tài, chương trình khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của ngành, lĩnh vực. Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu. Ưu tiên triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp khởi nghiệp nói riêng. Tập trung hợp tác theo chiều sâu với các đối tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, triển khai các hoạt động hợp tác để hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao trong tinh, kết hợp với thu hút, trọng dụng cán bộ có năng lực giỏi, trẻ trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài.

đ) Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Tập trung xây dựng con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao thành tích các môn thể thao trọng điểm.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và nhân rộng các hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc.

Thực hiện tốt các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

e) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công

khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tới các vùng sâu, vùng xa. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm; tạo hiểu biết và nhận thức đúng trong toàn xã hội về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

3. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Tập trung kiểm soát và khắc phục ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng;... Kiên quyết xử lý các cơ sở sử dụng lãng phí năng lượng, tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao khả năng phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

4. Về cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của

cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử;... Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

- Khẩn trương tổ chức triển khai hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khóa XII, bảo đảm tiền lương là nguồn thu nhập chính, trả lương đúng là đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực, tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động.

- Tăng cường công tác thanh tra, tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực như quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư xây dựng, sử dụng NSNN. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành “điểm nóng”, gây mất an ninh trật tự. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kéo dài, xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm gây thất thoát, thua lỗ. Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi tài sản nhà nước trong các vụ án có sai phạm gây thất thoát, thua lỗ.

5. Về quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

- Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển,...

- Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông ở các khu vực đô thị, đông dân cư. Tập trung rà soát công tác bảo đảm phòng cháy, chữa cháy, nhất là tại các chợ, trung tâm thương mại, cơ sở sản xuất, hộ gia đình...; tổ chức diễn tập, nâng cao ý thức phòng cháy, chữa cháy cho người dân.

- Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh, theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Thực hiện tốt công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác bảo hộ công dân, bảo vệ ngư dân hoạt động trên biển.

6. Về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Triển khai đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020; trong đó tập trung đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, ngân sách; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh..., các tồn tại, hạn chế; phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong các năm 2016, 2017 và ước thực hiện 2018.

b) Dự báo tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức của những năm còn lại của giai đoạn 2018 - 2020, xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020...

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

Năm 2019 là năm thứ 4 triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang 05 năm 2016 - 2020; tiếp tục triển khai Chương trình hành động số 11/Ctr-TU ngày 21/01/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững và là năm thứ hai triển khai lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm theo Luật NSNN năm 2015 trình cấp có thẩm quyền tham khảo khi quyết định dự toán NSNN năm 2019.

Mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 là: Tiếp tục cùng với cả nước triển khai thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững; thực hiện cơ cấu lại ngân sách theo các Nghị quyết của Đảng, HĐND tỉnh gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công; siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường quản lý thu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, các nguồn lực công.

Theo đó, các nhiệm vụ đặt ra đối với công tác dự toán NSNN năm 2019 và xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 như sau:

1. Đối với dự toán NSNN năm 2019

a) Dự toán thu NSNN:

Dự toán thu NSNN năm 2019 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2018; đồng thời, phân tích, dự báo tình hình kinh tế vĩ mô, đặc biệt là những nhân tố tác động làm thay đổi tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2019; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý thu, tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, phát hiện và ngăn chặn các hành vi chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Dự toán thu nội địa (thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức và lợi nhuận sau thuế) năm 2019 bình quân chung tăng tối thiểu 12 - 14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương trong tỉnh. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 4 - 6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2018.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

b) Dự toán chi NSNN:

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2019 phù hợp với các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII); tiếp tục quán triệt yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, minh bạch ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2019. Chi trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2019, các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

(1) Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn; bám sát các mục tiêu Đề án cơ cấu lại đầu tư công, rà soát, đánh giá lại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kiến nghị điều chỉnh trong phạm vi tổng mức kế hoạch đã được phê duyệt cho phù hợp với yêu cầu phát triển mới; ưu tiên bố trí dự toán năm 2019 để thanh toán nợ xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019, đầu tư cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn...; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (sau khi trừ chi phí liên quan) phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) lập dự toán thu, chi NSNN năm 2019 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

(2) Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, bao gồm cả các chính sách đối với các đối tượng nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trên tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII) và Kết luận 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021, thực hiện rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm đầu mối, tránh chồng chéo; triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại...

Tập trung hoàn thiện các danh mục sự nghiệp công sử dụng NSNN; đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII); đẩy mạnh việc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo khối lượng, đơn giá được phê duyệt và nghiệm thu theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

(3) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 đã được duyệt, mức đã bố trí giai đoạn 2016 - 2018 và khả năng thực hiện, các sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao quản lý triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu hướng dẫn các cơ quan, UBND cấp huyện lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019, đồng thời gửi về cơ quan tổng hợp để báo cáo UBND tỉnh.

(4) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2019 và trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả cấp phát và cho vay lại phải làm rõ mức vốn cho từng phần.

(5) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương:

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư,...); nguồn dành ra do triển khai thực hiện các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII).

(6) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết:

Dự toán sát nguồn thu xô số kiến thiết (bao gồm cả số thu được phân chia từ hoạt động xô số điện toán) và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên để đầu tư lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, xây dựng nông thôn mới theo quy định; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

(7) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Ngân sách cấp tỉnh chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục và ký kết Hiệp định làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2019; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

(8) Ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

(9) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2018 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2019 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

c) Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm a, b mục III.1 của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán ngân sách các cấp năm 2019 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

(1) Dự toán thu NSNN trên địa bàn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân

sách mới trên địa bàn; đảm bảo số thu giao cho các địa phương ở mức cao nhất phù hợp với khả năng phấn đấu của từng địa phương; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu Hội đồng nhân dân tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

(2) *Dự toán chi ngân sách địa phương*: Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên (nếu có) trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2019; căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2017, ước thực hiện năm 2018, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên để thực hiện các chính sách, chế độ của cấp trên sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020).

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021

- Trên cơ sở kế hoạch 05 năm của địa phương về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính và đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020; các mục tiêu định hướng cơ cấu lại ngân sách, nợ công giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018 - 2020; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh theo quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật Quản lý nợ công sửa đổi và các văn bản hướng dẫn; các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

- Tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, UBND cấp huyện xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 3 năm 2019 - 2021 về thu ngân sách; dự kiến tổng chi ngân sách địa phương, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2019 - 2021 phù hợp với khả năng cân đối thu.

- Trong quá trình lập kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2019 - 2021, cần rà soát, cập nhật, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đã đề ra cho cả giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các giải pháp phân đầu phát triển quy mô ngân sách theo hướng an toàn, bền vững. Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), tính toán đầy đủ các tác động, xác định nguồn lực ngân sách có thể dành ra từ sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công để tạo nguồn cải cách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

1. Về kế hoạch đầu tư công năm 2019

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung có hiệu lực (nếu có) và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

a) Đối với kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại ý (1) điểm b khoản 1 Mục III nêu trên.

b) Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

c) Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng, tổng hợp, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2019 trên Hệ thống thông tin đầu tư công quốc gia tại địa chỉ <https://dautucong.mpi.gov.vn> và phần mềm của tỉnh.

2. Về rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ các Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND, số 24/NQ-HĐND, số 17/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, căn cứ các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong thời gian 02 năm còn lại của kế hoạch 05 năm 2016 - 2020, trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được giao, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện triển khai rà soát các nội dung sau:

a) Đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và khó khăn, thách thức sau 02 năm (2016-2017) thực hiện và năm 2018 thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

b) Dự kiến tình hình thực hiện và khả năng giải ngân của từng dự án đã

được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn, tổng hợp tình hình thực hiện và khả năng giải ngân các nguồn vốn trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn đã được giao còn lại trong 02 năm 2019 và 2020.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm cấp tỉnh, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

2. Cục Thống kê tỉnh

- Phối hợp với Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đánh giá kết quả thực hiện và công bố chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 04 năm 2015, 2016, 2017 và ước thực hiện năm 2018 để làm cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; đánh giá tình hình giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2015-2020; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh cho phù hợp.

- Tính toán, công bố chỉ tiêu giá trị sản xuất theo giá hiện hành, giá so sánh 2010 của cả năm 2017, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2018 cho các huyện, thành phố, thị xã để làm cơ sở cho việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho phù hợp.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã

Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019-2021 và rà soát kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2019 - 2021 của tỉnh. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần bám

sát vào tiềm năng, điều kiện phát triển, năng lực sản xuất của đơn vị mình để xác định mục tiêu, nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phải kịp thời báo cáo để xem xét, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- VPCP (tại Hà Nội và TP.HCM);
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các đoàn thể tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP; các phòng n/c;
- Lưu: VT, P.TH (Q.Anh).

30

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hương